

GIẤY ĐỀ NGHỊ KIÊM HỢP ĐỒNG MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN CHUNG
APPLICATION & AGREEMENT OF JOINT-ACCOUNT OPENING AND USING
(Dành cho Khách hàng tổ chức/ For Organization)

Kính gửi: NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG, CN/PGD [.....]
To: Orient Commercial Joint Stock Bank, Branch/Transaction Office

Chúng tôi [Tên Tổ chức 1], Giấy ĐKKD/GPĐT/QĐ thành lập số [.....] và [Tên Tổ chức 2], Giấy Đăng ký kinh doanh/Giấy phép đầu tư/ Quyết định thành lập (ĐKKD/GPĐT/QĐTL) số [.....] đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với các điều khoản trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản chung của Ngân hàng TMCP Phương Đông (Sau đây gọi tắt là "OCB" hoặc "Ngân hàng"). Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng tài khoản theo các quy định của Nhà nước và của OCB. Đề nghị Quý ngân hàng mở tài khoản cho chúng tôi theo nội dung sau

We [Name of 1st Organization] Business registration No./Investment license No./Establishment decision No. [.....] and [Name of 2nd Organisation] Business registration No./Investment license No./Establishment decision No. [.....] have read, clearly understood and agreed with the application & agreement of account opening and using of Orient Commercial Joint Stock Bank ("The Bank"). We agree that the account management should be subjected to the Bank's Rules, Regulations and the Government's laws. We would like to request the Bank to open account as follows:

A. ĐĂNG KÝ MỞ TÀI KHOẢN
Account opening registration

I. THÔNG TIN CÁC CHỦ TÀI KHOẢN (Sau đây gọi là "Khách hàng")
Account holders's Information ("Customers")

	TỔ CHỨC 1 (Organization 1)	TỔ CHỨC 2 (Organization 2)
Tên tổ chức Name of Organization	[.....]	[.....]
Tên viết bằng tiếng nước ngoài Name written in foreign language	[.....]	[.....]
Tên viết tắt Abbreviated name	[.....]	[.....]
<input type="checkbox"/> ĐKKD Business registration No. <input type="checkbox"/> GPĐT Investment license No. <input type="checkbox"/> QĐTL Establishment decision No.	Số đăng ký (No.): [.....] Ngày cấp lần đầu (Issue date): [.....] Nơi cấp (Issue place): [.....]	Số đăng ký (No.): [.....] Ngày cấp (Issue date): [.....] Nơi cấp (Issue place): [.....]
	Thay đổi lần thứ: [.....] ngày [.....] Change times date	
Mã số thuế Tax code	<input type="checkbox"/> Trùng với số ĐKKD/GPĐT/QĐTL Duplicate with Business registration No./ Investment license No./Establishment decision No.	<input type="checkbox"/> Số [.....] No.
Điện thoại (Telephone No.) Fax (nếu có) (Fax No. if utilise)	[.....]	[.....]
Email (Email Address)	[.....]	[.....]
Tình trạng cư trú Residential status	<input type="checkbox"/> Cư trú Resident <input type="checkbox"/> Không cư trú Non- resident	<input type="checkbox"/> Cư trú Resident <input type="checkbox"/> Không cư trú Non- resident
Quốc gia thành lập Country of incorporation	<input type="checkbox"/> Việt Nam Vietnam <input type="checkbox"/> Hoa Kỳ U.S <input type="checkbox"/> Khác, vui lòng ghi rõ Others, please specify	<input type="checkbox"/> Việt Nam Vietnam <input type="checkbox"/> Hoa Kỳ U.S <input type="checkbox"/> Khác, vui lòng ghi rõ Others, please specify
Mã số thuế Registered Tax code	[.....]	[.....]
Doanh thu năm gần nhất Latest year revenue	<input type="checkbox"/> Bằng VND (in VND)..... <input type="checkbox"/> Bằng USD (in USD).....	<input type="checkbox"/> Bằng VND (in VND)..... <input type="checkbox"/> Bằng USD (in USD).....

Số lượng lao động hiện tại <i>Number of current employees</i>
Thông tin tuân thủ PCRT ALM checking	<p>Là tổ chức nhận ủy thác của ủy thác nước ngoài/ <i>Be trustee of foreign trust</i></p> <p>Nếu chọn “Có” vui lòng cung cấp thêm thông tin theo quy định của OCB/ <i>If yes, please provide additional information as required by OCB</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có Yes</p> <p><input type="checkbox"/> Không No</p>	<p>Là tổ chức nhận ủy thác của ủy thác nước ngoài/ <i>Be trustee of foreign trust</i></p> <p>Nếu chọn “Có” vui lòng cung cấp thêm thông tin theo quy định của OCB/ <i>If yes, please provide additional information as required by OCB</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có Yes</p> <p><input type="checkbox"/> Không No</p>
Ngành nghề <i>Business line</i>	<p><input type="checkbox"/> Lĩnh vực phi tài chính (Tổ chức phi tài chính) <i>Non-financial industries (as a Non-financial Organization).</i> Nếu Tổ chức là Tổ chức phi tài chính ngoài Hoa Kỳ vui lòng điền tiếp thông tin tại Mục III (<i>If the organization is non-US & non financial organization, please complete III</i>)</p> <p><input type="checkbox"/> Lĩnh vực tài chính (Định chế tài chính) <i>Financial industries (as a Financial Institution)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Tổ chức nhận tiền gửi/<i>Depository Institution.</i></p> <p><input type="checkbox"/> Tổ chức lưu ký/<i>Custodial Institution.</i></p> <p><input type="checkbox"/> Tổ chức đầu tư/<i>Investment Organization.</i></p> <p><input type="checkbox"/> Công ty bảo hiểm thuộc một số loại hình nhất định (cung cấp các hợp đồng bảo hiểm mang tính chất đầu tư, chẳng hạn như bảo hiểm nhân thọ) <i>Specified insurance company (issue contract with investment component such as life insurance).</i> Mã số GIIN (nếu có): [.....] <i>GIIN (if any)</i></p>	<p><input type="checkbox"/> Lĩnh vực phi tài chính (Tổ chức phi tài chính) <i>Non-financial industries (as a Non-financial Organization).</i> Nếu Tổ chức là Tổ chức phi tài chính ngoài Hoa Kỳ vui lòng điền tiếp thông tin tại Mục III (<i>If the organization is non-US & non financial organization, please complete III</i>)</p> <p><input type="checkbox"/> Lĩnh vực tài chính (Định chế tài chính) <i>Financial industries (as a Financial Institution)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Tổ chức nhận tiền gửi/<i>Depository Institution.</i></p> <p><input type="checkbox"/> Tổ chức lưu ký/<i>Custodial Institution.</i></p> <p><input type="checkbox"/> Tổ chức đầu tư/<i>Investment Organization.</i></p> <p><input type="checkbox"/> Công ty bảo hiểm thuộc một số loại hình nhất định (cung cấp các hợp đồng bảo hiểm mang tính chất đầu tư, chẳng hạn như bảo hiểm nhân thọ) <i>Specified insurance company (issue contract with investment component such as life insurance).</i> Mã số GIIN (nếu có): [.....] <i>GIIN (if any)</i></p>
Người liên hệ (họ tên và chức danh) <i>Contact person (name & title)</i>	[.....]	[.....]
Điện thoại và Email của người liên hệ <i>Cell phone and email of contact person</i>	[.....]	[.....]
II. THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC <i>(Representative's Information)</i>		
Họ tên <i>Full name</i>	[.....]	[.....]
Danh xưng <i>Title</i>	<input type="checkbox"/> Ông (Mr) <input type="checkbox"/> Bà (Ms)	<input type="checkbox"/> Ông (Mr) <input type="checkbox"/> Bà (Ms)
CMTND/Hộ chiếu/Thẻ Căn cước công dân ID card/ <i>Passport Number/Citizen Identification)</i>	Số/No: Ngày cấp/ <i>Issue date</i> Nơi cấp/ <i>Issue place</i>	Số/No: Ngày cấp/ <i>Issue date</i> Nơi cấp/ <i>Issue place</i>
Quốc tịch: <i>Nationality</i>	[.....]	[.....]
Tình trạng cư trú <i>Residential status</i>	<input type="checkbox"/> Cư trú <i>Resident</i> <input type="checkbox"/> Không cư trú <i>Non- resident</i>	<input type="checkbox"/> Cư trú <i>Resident</i> <input type="checkbox"/> Không cư trú <i>Non- resident</i>
Ngày sinh <i>Date of birth</i>	[.....]	[.....]

Địa chỉ thường trú <i>Registered address</i>		
Địa chỉ liên lạc <i>Mailing address</i>		
Điện thoại di động <i>Cell phone No.</i>		
Người đại diện là <i>Representative's status</i>	<input type="checkbox"/> Đại diện theo pháp luật của Tổ chức <i>Legal representative</i> <input type="checkbox"/> Người được ủy quyền <i>Authorized person</i>	<input type="checkbox"/> Đại diện theo pháp luật của Tổ chức <i>Legal representative</i> <input type="checkbox"/> Người được ủy quyền <i>Authorized person</i>

III. THÔNG TIN TUÂN THỦ FATCA DÀNH CHO TỔ CHỨC PHI TÀI CHÍNH NGOÀI HOA KỲ (Additional information with respect to FATCA Compliance (for non US & non-financial entity))

Tôi/Chúng tôi xác nhận rằng các tổ chức trên đơn này là một tổ chức phi tài chính ngoài Hoa Kỳ **VÀ**:
I/ We certify that the organizations named on this statement is a non-U.S. non-financial organization **AND**:

- Tổ chức có chủ sở hữu Hoa Kỳ với tổng số vốn góp $\geq 10\%$.
The entity has $\geq 10\%$ of shares/capital contribution owned by U.S. person. Có/Yes Không/No
- Tổ chức có thu nhập thụ động $\geq 50\%$ tổng lợi nhuận gộp của năm dương lịch liền trước; hoặc có tài sản có khả năng tạo ra thu nhập thụ động $\geq 50\%$ tổng tài sản (được tính theo tỷ trọng bình quân gia quyền tài sản của 4 quý năm dương lịch liền trước).
The organization has $\geq 50\%$ of such organization's gross income for preceding calendar year is passive income; or $\geq 50\%$ of the assets held by such organization are assets that produce or are held for the production of passive income (calculated as weighted average of the percentage of passive assets measured quarterly). Có/Yes Không/No
- Tổ chức, hoặc công ty liên quan của tổ chức, có cổ phiếu được niêm yết.
The organization, or its related organization, the stock of which is regularly traded on an established securities market. Có/Yes Không/No
- Công ty mới thành lập (trong vòng 24 tháng)
Start-ups (within 24 months) Có/Yes Không/No

IV. YÊU CẦU MỞ TÀI KHOẢN (Request to open account)

Loại tài khoản <i>Type of account</i>	<input type="checkbox"/> Tài khoản thanh toán chung <i>Joint account</i>	<input type="checkbox"/> Khác <i>Others</i>
Loại tiền <i>Currency</i>	<input type="checkbox"/> VND <input type="checkbox"/> USD	<input type="checkbox"/> Khác <i>Others</i>
Tên của Tài khoản thanh toán chung <i>Name of Joint account</i>	<p>.....</p> <p>(Tên của Tài khoản thanh toán chung là tên của một chủ tài khoản chung hoặc tên khác do các chủ tài khoản chung đồng thuận lựa chọn sử dụng theo cấu trúc "Tên (các) chủ tài khoản chung – TKTTTC") <i>The Joint Account Name is the name of one joint account holder or another name chosen by the joint account holders according to the structure "Names of joint account holder(s) - TKTTTC"</i></p>	

V. YÊU CẦU DỊCH VỤ KHÁC (Other requests)

Đăng ký nhận sổ phụ tài khoản (A/C statement request) <input type="checkbox"/> Hàng tháng <i>Monthly</i> <input type="checkbox"/> Khi có yêu cầu <i>When required</i> <input type="checkbox"/> Khác <i>Others</i>	
Hình thức nhận sổ phụ: <i>Preferred A/C statement receiving</i> <input type="checkbox"/> Tại ngân hàng <i>At Bank's counter</i> <input type="checkbox"/> Gửi bưu điện <i>By post</i> <input type="checkbox"/> Khác <i>Others</i>	
Đăng ký sử dụng Séc <i>Cheque registration</i>	<input type="checkbox"/> Có <i>Yes</i> <input type="checkbox"/> Không <i>No</i>
Đăng ký dịch vụ SMS Banking <i>SMS Banking registration</i>	<input type="checkbox"/> Có <i>Yes</i> <input type="checkbox"/> Không <i>No</i>
Số điện thoại đăng ký: <i>Registration phone number</i>	

VI. MẪU DẤU VÀ CHỮ KÝ (Specimen of Signature and Stamp)

HỌ TÊN & CHỨC VỤ <i>Name & Title</i>		CMND/HỘ CHIẾU/ CCCD <i>ID Card/Passport</i>	CHỮ KÝ 1 <i>Signature 1</i>	CHỮ KÝ 2 <i>Signature 2</i>
TỔ CHỨC 1 (Organization 1)	ĐẠI DIỆN ĐỒNG CHỦ TÀI KHOẢN THỨ 1 <i>(Joint-Account Representative 1)</i>	Số (No.): [.....] Ngày cấp (Issue date): [.....] Nơi cấp (Issue place): [.....]		
	Họ tên/Full name: [.....] Giấy ủy quyền số: [.....] ngày: [.....] <i>Authorised letter No. date</i>			
	Người được ủy quyền 1 (Authorised Person 1)	Số (No.): [.....] Ngày cấp (Issue date): [.....] Nơi cấp (Issue place): [.....]		
	Họ tên (Full name): [.....] Chức vụ (Title): [.....] Giấy ủy quyền số: [.....] ngày: [.....] <i>Authorised letter No. date</i>			
TỔ CHỨC 2 (Organization 2)	Người được ủy quyền 2 (Authorised Person 2)	Số (No.): [.....] Ngày cấp (Issue date): [.....] Nơi cấp (Issue place): [.....]		
	Họ tên (Full name) : [.....] Chức vụ (Title) : [.....] Giấy ủy quyền số: [.....] ngày: [.....] <i>Authorised letter No. date</i>			
	KẾ TOÁN TRƯỞNG/ NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN <i>(Chief Accountant/Person being in charge of Accounting)</i>	Số (No.): [.....] Ngày cấp (Issue date): [.....] Nơi cấp (Issue place): [.....]		
	Họ tên: [.....] <i>Full name</i>			
TỔ CHỨC 1 (Organization 1)	ĐẠI DIỆN ĐỒNG CHỦ TÀI KHOẢN THỨ 2 <i>(Joint-Account Representative 2)</i>	Số (No.): [.....] Ngày cấp (Issue date): [.....] Nơi cấp (Issue place): [.....]		
	Họ tên: [.....] <i>Full name</i> Giấy ủy quyền số: [.....] ngày: [.....] <i>Authorised letter No. date</i>			
	Người được ủy quyền 1 (Authorised Person 1)	Số (No.): [.....] Ngày cấp (Issue date): [.....] Nơi cấp (Issue place): [.....]		
	Họ tên (Full name) : [.....] Chức vụ (Title) : [.....] Giấy ủy quyền số: [.....] ngày: [.....] <i>Authorised letter No. date</i>			
TỔ CHỨC 2 (Organization 2)	Người được ủy quyền 2 (Authorised Person 2)	Số (No.): [.....] Ngày cấp (Issue date): [.....] Nơi cấp (Issue place): [.....]		
	Họ tên (Full name) : [.....] Chức vụ (Title) : [.....] Giấy ủy quyền số: [.....] ngày: [.....] <i>Authorised letter No. date</i>			
	KẾ TOÁN TRƯỞNG/ NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN <i>(Chief Accountant/Person Being in Charge of Accounting)</i>	Số (No.): [.....] Ngày cấp (Issue date): [.....] Nơi cấp (Issue place): [.....]		
	Họ tên: [.....] <i>Full name</i>			
QUY TẮC SỬ DỤNG CHỮ KÝ <i>(Usage of Signature)</i>		MẪU DẤU CỦA TỔ CHỨC 1 <i>Seal specimen of Organization 1</i>	MẪU DẤU CỦA TỔ CHỨC 2 <i>Seal specimen of Organization 2</i>	
<input type="checkbox"/> Chứng từ giao dịch liên quan đến tài khoản chỉ có hiệu lực khi được ký bởi các tất cả các chủ tài khoản chung (All transactions related to the joint account must be signed by both account co-holders) <input type="checkbox"/> Chứng từ giao dịch liên quan đến tài khoản có hiệu lực khi được ký bởi một trong các chủ tài khoản chung (All transactions related to the joint account must be signed by one of the account co-holders). <input type="checkbox"/> Thỏa thuận khác (other agreement).				

Xác nhận của Khách hàng (Declaration):

1. Tôi/Chúng tôi xác nhận rằng các thông tin nêu trên là đúng sự thật, chính xác và cập nhật nhất (*I / We hereby confirm that the information given above are truthful, accurate and up - to - date*)
2. Tôi/ Chúng tôi xác nhận rằng (*I/We hereby confirm*):
 - Từng Chủ Tài khoản chung phải chịu trách nhiệm thanh toán cho toàn bộ các nghĩa vụ nợ phát sinh từ việc sử dụng Tài khoản chung và chịu trách nhiệm trong việc sử dụng tài khoản chung (*Every account co-holders must take full responsibility to pay for all arising debt from usage of the joint account*).
 - Thông báo liên quan đến sử dụng Tài khoản cho một trong các Chủ Tài khoản chung được coi như thông báo tới tất cả các Chủ Tài khoản chung (*Any information The Bank provided to one of the account co-holders is regarded as to all account co-holders*).
 - Từng Chủ Tài khoản chung được ủy quyền cho nhau hoặc ủy quyền cho người khác trong việc sử dụng và định đoạt Tài khoản chung trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình (*The account co-holders could authorise to the other or to any other third party in using and making decisions the joint account within their rights and obligations*).
 - Việc ủy quyền sử dụng tài khoản của các chủ tài khoản chung hoặc việc thay đổi về thông tin liên quan đến tài khoản/các đồng chủ tài khoản cần được sự đồng ý và ký xác nhận của tất cả các chủ tài khoản chung còn lại (*The authorization of usage of the joint account or change of information related to the joint account/ account co-holders must be signed by all the account co-holders*).
3. Khi một trong các chủ tài khoản chung bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật thì quyền sử dụng tài khoản và nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài khoản thanh toán chung được giải quyết theo quy định của pháp luật (*If one of the account co-holders is being dissolved, bankruptcy and shut down, the joint account usage authority and arising obligations is solved according to the law*).
4. Tôi/Chúng tôi cam kết trong trường hợp có bất kỳ sự kiện thay đổi làm các thông tin liên quan đến mục đích tuân thủ FATCA không còn chính xác, tôi/chúng tôi sẽ thông báo cho Ngân hàng trong vòng 30 ngày và cung cấp các thông tin và chứng từ mới thay thế trong vòng 90 ngày kể từ khi có sự thay đổi. (*I/We agree that in case of any change in circumstances that makes the information with respect to FATCA compliance on the form become inaccurate, I/we shall notify to the Bank within 30 days from the date of such changes and submit the newsufficient information and documentation within 90 days from the date of such change.*)
5. Tôi/Chúng tôi đồng ý tuân thủ các quy định của Đạo luật Tuân thủ Thuế đối với Tài khoản Hoa Kỳ ở nước ngoài (Foreign Account Tax Compliance Act, viết tắt là FATCA) khi tôi/chúng tôi mở một tài khoản tại Ngân hàng OCB. Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng Ngân hàng OCB được quyền thực hiện tất cả những gì được cho là cần thiết để tuân thủ với những yêu cầu của FATCA, bao gồm nghĩa vụ báo cáo thông tin liên quan đến tài khoản của tôi/chúng tôi theo quy định Đạo luật FATCA cho Sở Thuế Vụ Hoa Kỳ, trên cơ sở được sự cho phép của Chính phủ Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. (*I/We agree to comply with requirements of the Foreign Account Tax Compliance Act ("FATCA") if I/we open an account with OCB. I/We agree that OCB shall be entitled to do all acts and things it deems necessary to comply with FATCA. I/We hereby grant full permission to OCB to access and verify any information relating to my/our account(s), including reporting obligation to the US Internal Revenue Services (IRS) as required by FATCA, subject to the approval and authorization of Vietnamese Government and competent authorities.*)
6. Tôi/Chúng tôi đã đọc, hiểu và đồng ý toàn bộ nội dung Thỏa thuận Về Mở và Sử Dụng Tài Khoản nêu tại Phần B của Giấy Đăng ký kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản này. Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Thỏa thuận Về Mở và Sử Dụng Tài Khoản (có thể được thay đổi theo từng thời điểm) sẽ điều chỉnh quan hệ tài khoản của tôi/chúng tôi và đồng ý tuân thủ Các Điều Khoản và Điều Kiện đó. Tôi/Chúng tôi xác nhận rằng chữ ký dưới đây của tôi/chúng tôi cũng là chữ ký mẫu mà Ngân hàng sẽ sử dụng để kiểm tra tính xác thực của các chỉ thị do tôi/chúng tôi gửi đến Ngân hàng. (*I / We have read, understood and agreed with the Application & Agreement of joint account opening and using. I / We understand that the Terms and Conditions on these Documents (as they may be amended from time to time) will govern my / our account relationship and agree to comply with them. I/We confirm that my/our signature(s) below is/are also the specimen signature(s) that the Bank shall use to verify my/our instructions submitted to the Bank.*)

Đồng thuận mở tài khoản (Agreed to open joint account)

[.....] ngày(date) [...../...../.....]
Đồng chủ tài khoản thứ 1 (Joint-A/C Holder 1)
Ký, ghi họ tên & đóng dấu (Signature, full name and seal)

[.....] ngày(date) [...../...../.....]
Đồng chủ tài khoản thứ 2 (Joint-A/C Holder 2)
Ký, ghi họ tên & đóng dấu (Signature, full name and seal)

VII. PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG (For Bank use only)

<input type="checkbox"/> Đồng ý mở tài khoản thanh toán chung <i>Agree to open joint account</i>	Giao dịch viên (Teller) <i>Ký & ghi rõ họ tên (Signature & Full name)</i>	KSV/ TP DVKH (Supervisor) <i>Ký & ghi rõ họ tên (Signature & Full name)</i>
Tên tài khoản: _____ <i>Account Name</i>		
Số tài khoản: _____ <i>Account No</i>		
Loại tiền _____ CCY		
Ngày xác nhận mở TK: _____ <i>Open date</i>		
Ngày hiệu lực TK: _____ <i>Effective date</i>		
Nội dung xác nhận: Bằng việc ký vào Giấy đăng ký mở tài khoản này, Cán bộ xác nhận cam kết rằng mình đã chứng kiến Cá nhân đại diện cho tổ chức, Kế toán trưởng và những người được ủy quyền (nếu có) ký vào Giấy đăng ký kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, hoặc đã tự mình xác minh chữ ký trên Giấy này là chữ ký thật của họ. Cán bộ xác nhận và Giám đốc trung tâm chuyên doanh (GD TTCD) chịu trách nhiệm về tính xác thực của các mẫu chữ ký trên Mẫu đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản này.	Cán bộ xác nhận(RM) <i>Ký & ghi rõ họ tên (Signature & Full name)</i>	Giám Đốc TTCD <i>Ký & ghi rõ họ tên (Signature & Full name)</i>

B. THỎA THUẬN VỀ MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN

Agreement for Account opening and using

Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) và Khách hàng (có thông tin tại Mục I) thống nhất đồng ý các điều kiện điều khoản về mở, quản lý và sử dụng tài khoản tại OCB như sau (*Orient Commercial Joint Stock Bank (OCB) and customer (in article I) agreed with terms and conditions of the account opening and using as below:*

Điều 1: MỞ TÀI KHOẢN (ACCOUNT OPENING)

- Các yếu tố trong hồ sơ mở tài khoản phải chính xác, đúng sự thật. Khách hàng phải chịu trách nhiệm về các thông tin đã đăng ký trong hồ sơ mở tài khoản và phải thông báo ngay cho OCB nếu thay đổi các yếu tố trong hồ sơ mở tài khoản (*document for account opening must be accurate and truthful. The customer shall be responsible for all informations registered in these documents and must notify to OCB if there are any changes in details of the documents*).
- Các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản phải còn hiệu lực theo quy định của pháp luật (*Documents for account opening must be valid according to the applicable law*).
- Ngoài các giấy tờ quy định trong hồ sơ mở tài khoản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, OCB có quyền đề nghị cung cấp thêm các giấy tờ khác phù hợp với yêu cầu quản lý và quy định của OCB (*In addition to the documents for the account opening as prescribed by the State Bank, OCB is entitled to request other documents in accordance with OCB's regulations*).

Điều 2: SỬ DỤNG TÀI KHOẢN (ACCOUNT USING)

- Các nguyên tắc chung (*General principles*)
 - Việc sử dụng tài khoản được thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, quy định của OCB và yêu cầu của chủ tài khoản (*The account use shall be in compliance with the guidance of the State Bank of Vietnam, provisions of the State's competent agencies, OCB and the instructions of the account holder*).
 - Việc sử dụng tài khoản ngoại tệ của người cư trú, không cư trú và sử dụng tài khoản đồng Việt Nam của người không cư trú, người nước ngoài được thực hiện theo quy định về quản lý ngoại hối (*Uses of foreign currency accounts of residents and non-residents, and VND accounts of non-residents and foreigners shall comply with regulations on foreign exchange management*).
- Gửi tiền vào tài khoản (*Deposit into account*)

Người gửi tiền phải điền đầy đủ thông tin vào chứng từ giao dịch (kể cả trường hợp người gửi tiền không phải là chủ tài khoản) và phải xuất trình các chứng từ chứng minh tính hợp lệ, hợp pháp của giao dịch trong trường hợp quy định của pháp luật và của OCB khi có yêu cầu (*Depositors must complete information in transaction documents (even they are not account holder) and must present documents proving validity and legality of the transaction as required by the law and OCB's regulations when required*).
- Trích tiền từ tài khoản bao gồm việc rút tiền mặt và chuyển khoản tiền từ tài khoản (*Making debit from the account including cash withdrawal and money transfer*)
 - Theo yêu cầu của chủ tài khoản/người được chủ tài khoản ủy quyền (*Upon request of the account holder/ authorized person*)
 - Chủ tài khoản/người được chủ tài khoản ủy quyền phải lập chứng từ giao dịch hợp lệ theo mẫu của OCB/mẫu được OCB chấp thuận với đầy đủ các nội dung, chữ ký, con dấu (nếu có) (*The account holder/ authorized person must make valid transaction*

documents in form of OCB / as approved by OCB with full contents, signatures and seal (if any) to request the transaction).

- Đối với tài khoản của tổ chức, chứng từ trích tiền có thể do chính chủ tài khoản/ người được chủ tài khoản ủy quyền xuất trình hoặc do cá nhân/tổ chức khác xuất trình (For account of organization, transaction documents can be presented by the account holder/ authorized person or other individuals/ organization).
- Trường hợp cần thiết, OCB có quyền yêu cầu chủ tài khoản/người được chủ tài khoản ủy quyền xác nhận nội dung chứng từ giao dịch (When necessary, OCB may request the account holder/ authorized person to make confirmation contents of the transaction documents).
- Trường hợp rút tiền mặt từ tài khoản của tổ chức, người lĩnh tiền phải xuất trình các giấy tờ tùy thân và giấy ủy quyền hoặc giấy giới thiệu theo quy định của OCB (trong trường hợp người lĩnh tiền không phải là chủ tài khoản/ người được chủ tài khoản ủy quyền) (In case of cash withdrawal from the account of organization, the recipients must present their ID and introduction document/ authorization letter (in case the recipients are not account holders/ authorized persons).
- OCB có quyền tự động trích tiền trên tài khoản của khách hàng trong các trường hợp sau (OCB is entitled to automatically deduct from the customer's account in following cases)
- Thu hồi các khoản nợ đến hạn, quá hạn, các khoản lãi, chi phí phải trả khác của Khách hàng theo quy định của OCB (To collect due/overdue debts, interests and payables expenses in accordance with the regulations of OCB).
- Thực hiện các nghĩa vụ thanh toán theo quy định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc chủ tài khoản phải thanh toán (Make payment obligations in accordance with the state's agencies that account holder must pay thereof).
- Điều chỉnh các giao dịch bị hạch toán sai, hạch toán nhầm, hạch toán không đúng bản chất theo nhận định của OCB (Adjust transactions those entries are wrong, mistaken, improper under OCB's judgment).
- Các trường hợp khác theo thỏa thuận giữa OCB và khách hàng hoặc theo quy định của pháp luật (Other cases as agreed by OCB and the customer or in accordance with the law).

4. Ủy quyền (Authorization)

Khách hàng có thể ủy quyền cho người khác sử dụng tài khoản theo quy định của pháp luật và của OCB trong từng thời kỳ. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản và được OCB chấp thuận. Người được ủy quyền phải đăng ký thông tin và chữ ký mẫu theo quy định của OCB (The Customer may authorize others to use the account in accordance with provisions of the law and OCB's regulation. The authorization must be made in writing and approved by OCB. Authorized persons must register their information and signature under provisions of OCB).

5. Tạm khóa tài khoản (Account temporarily lock)

- OCB thực hiện tạm khóa Tài khoản của Khách hàng (tạm dừng giao dịch) một phần hoặc toàn bộ số tiền trên Tài khoản khi có văn bản yêu cầu của khách hàng hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa khách hàng với OCB hoặc trường hợp khách hàng chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo quyết định cưỡng chế của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc chưa thanh toán xong các khoản nợ phải trả cho OCB (OCB shall temporarily lock partial or entire account balance as per request in writing of customer or as per the prior written agreement between customer and OCB, or in case customer has not fulfilled the financial obligation enforcement requested by State's agencies or has not fulfilled payable obligation with OCB).
- Việc chấm dứt tạm khóa Tài khoản và việc xử lý các lệnh thanh toán đi, đến trong thời gian tạm khóa thực hiện theo yêu cầu của khách hàng hoặc theo văn bản thỏa thuận khách hàng với OCB (The termination of temporary account locking and the processing of in-coming/out-going payment orders in this time shall comply with customer's requirements or agreement between customer and OCB).

6. Phong tỏa và tài khoản (Account block)

- OCB phong tỏa một phần hoặc toàn bộ số tiền có trong tài khoản của khách hàng khi có thỏa thuận bằng văn bản giữa chủ tài khoản và OCB, theo quyết định/yêu cầu bằng văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. (OCB can block partial or entire balance of customer's accounts when there has writing agreement between the account holder and OCB, at discretion/ writing request by the State's agencies or in other cases as prescribed by law).
- Việc phong tỏa tài khoản chấm dứt khi kết thúc thời hạn phong tỏa theo thỏa thuận giữa chủ tài khoản và OCB, theo quyết định/yêu cầu bằng văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc chấm dứt/giải tỏa phong tỏa tài khoản hoặc trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. (The account block will be ended at expiry date or as agreed between the account holder and OCB, at discretion/ writing request by the State's agencies or in other cases as prescribed by law).

7. Thông báo liên quan đến sử dụng tài khoản (Account notification about account using):

- OCB thông báo tới khách hàng thông tin về giao dịch tài khoản thông qua các dịch vụ mà khách hàng đăng ký như SMS banking, Dịch vụ ngân hàng số OMNI và các dịch vụ khác (OCB provide account transaction information through registered service: SMS Banking, OMNI CORP and other services)
- Ngoài các phương thức thông báo tương ứng với các dịch vụ Khách hàng đã đăng ký nêu trên, các thông báo, thư từ liên hệ khác liên quan đến tài khoản, OCB gửi tới khách hàng thông qua một trong các kênh dưới đây (tùy vào lựa chọn của OCB tại thời điểm gửi) (Besides above services, OCB has the rights to use other channels)
- Gửi thư điện tử đến địa chỉ email Khách hàng đăng ký hoặc gửi tin nhắn đến số điện thoại Khách hàng đã đăng ký (Sending email or text message to registered email/phone number).
- Gửi thư đến địa chỉ liên lạc của Khách hàng đăng ký (Sending post mail to registered address).
- Niêm yết thông báo công khai tại các chi nhánh/ phong giao dịch hoặc website www.ocb.com.vn (Public posting at OCB's branches and transaction office or website ocb.com.vn).

8. Xử lý tra soát khiếu nại liên quan tới giao dịch tài khoản (*Complain and dispute solving*)

OCB tiếp nhận yêu cầu tra soát khiếu nại giao dịch tài khoản của khách hàng thông qua 02 kênh là tổng đài hỗ trợ khách hàng 24/7 và tại quầy giao dịch và phản hồi cho khách hàng sau tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị tra soát khiếu nại. Các tổn thất của khách hàng phát sinh (nếu có) được xem xét căn cứ trên quy định của pháp luật hiện hành, thỏa thuận về mở và sử dụng tài khoản ký giữa khách hàng và OCB và các quy định khác có liên quan của OCB (*OCB receive complain and dispute from customer through 02 channels: hotline customer support 24/07 and at the bank's counter and OCB have responsibility to reply within 30 working days. All arising damage (if any) should be considered base on the Vietnamese law, agreement of account open and using and other related regulation of OCB*).

Điều 3: ĐÓNG TÀI KHẢN (ACCOUNT CLOSING)

1. OCB có quyền đóng tài khoản của khách hàng trong những trường hợp sau (*OCB has right close the customer's account in following cases*)

- Khi chủ tài khoản yêu cầu (*upon the request of account holder*).
- Khi tổ chức có tài khoản chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật (*When the organization is terminated from operation under provisions of the law*).
- Khi chủ tài khoản vi phạm luật trong thanh toán hoặc vi phạm thỏa thuận với OCB (*When the account holder breaks the law or agreement with OCB*).
- Khi tài khoản ngưng sử dụng và không có phát sinh giao dịch trong vòng 6 tháng (*When the account has discontinued for use (has no transaction) within 6 months*).
- Khách hàng hoặc giao dịch của khách hàng được nhận diện là có mức độ rủi ro rửa tiền cao theo quy định của pháp luật (*The customer or transactions are been defined with high risk of money laundering under provisions of the law*).
- Khách hàng không cung cấp các chứng từ chứng minh tư cách FATCA trong thời hạn quy định (*Failure to provide documentations in accordance with FATCA identification status within a time limit*).
- Khi tài khoản thanh toán của Khách hàng có số dư dưới mức tối thiểu hoặc tài khoản bị chuyển đổi trạng thái "không hoạt động" theo quy định của OCB, OCB sẽ thông báo đến Khách hàng biết về trình trạng của tài khoản. Trong vòng 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho Khách hàng, nếu Khách hàng không đến OCB để khắc phục trạng thái của tài khoản thì OCB được quyền đóng tài khoản. (*When account balance is under the minimum balance or the account status is inactive based on OCB's regulation, OCB should to send notice to customer. Within 7 days from the date of notification, OCB has the right to close the account if the account status is not improved*).

2. OCB không chấp thuận yêu cầu đóng tài khoản khi tài khoản của khách hàng đang bị phong tỏa hoặc khách hàng chưa hoàn thành các nghĩa vụ nợ với OCB (*OCB does not approve account closing when the customer's account is being blocked or the customer has not fulfilled their debt obligations with OCB*).

3. Xử lý số dư sau khi đóng tài khoản: Sau khi đóng tài khoản thanh toán theo quy định, phần số dư tài khoản còn lại được xử lý như sau

(The remaining balance after closing account: After closing account, the remaining balance should be settled as below)

- Chi trả theo yêu cầu của chủ tài khoản (*Pay upon the account holder's request*).
 - Chi trả theo quyết định của tòa án (*Pay upon the decision of the court*).
 - OCB giữ hộ khách hàng (không trả lãi) trên tài khoản "Tiền giữ hộ chờ thanh toán" với thời gian và nội dung theo quy định của pháp luật trong trường hợp chủ tài khoản không đến OCB để nhận số dư còn lại và/hoặc không có chỉ định thanh toán (*OCB should keep the remaining balance in pending payment account (without interest) in accordance with applicable law in case the account holder does not come to receive the remaining balance and/or the account holder does not give payment instruction*).
4. Việc thu phí đóng tài khoản được thực hiện theo quy định của OCB trong từng thời kỳ (*Account closing fee shall be referred to provisions of OCB from time to time*).

Điều 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ TÀI KHOẢN (RIGHTS AND OBLIGATIONS OF THE ACCOUNT HOLDER)

1. Quyền (*Rights*)

- Chủ tài khoản có quyền sử dụng số tiền trong tài khoản thông qua các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ. Chủ tài khoản được OCB tạo mọi điều kiện để sử dụng tài khoản của mình theo cách có hiệu quả và an toàn nhất (*The account holder is entitled to use account balance through legal and valid payment orders. The account holder is consulted to use the account in the most effective and safest ways*).
- Được lựa chọn và sử dụng các dịch vụ thanh toán do OCB cung cấp phù hợp với yêu cầu, khả năng và quy định của pháp luật (*To select and use payment services provided by OCB in accordance with requirements, capabilities and legal regulations*).
- Được uỷ quyền cho người khác sử dụng tài khoản (*To authorize others to use the account*).
- Được yêu cầu OCB thực hiện các lệnh thanh toán phát sinh hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi số dư Có và hạn mức thấu chi (nếu được phép) (*To request OCB to exercise legal valid payment orders within account balance and overdraft limit (if permissible)*).
- Được yêu cầu cung cấp các thông tin về những giao dịch thanh toán và số dư trên tài khoản của mình (*To request information provision regarding to payment transactions and balance of the account*).
- Được yêu cầu OCB nơi mở tài khoản đóng, phong tỏa hoặc thay đổi cách thức sử dụng tài khoản khi cần thiết (*To request OCB to*

close, block or change the account when necessary.)

- Được hưởng lãi suất cho số tiền trên tài khoản theo mức lãi suất do OCB quy định tùy theo đặc điểm của tài khoản, số dư tài khoản và phù hợp với cơ chế quản lý lãi suất của Ngân hàng Nhà nước ban hành trong từng thời kỳ (*To be paid interest on the account balance with interest rate stipulated by OCB in accordance with characteristics of the account, account balance and in compliance with interest rate stipulated by the State Bank from time to time.*)

Công thức tính lãi suất/ *interest cancellation*:

$$\text{Số tiền lãi trong tháng (interest amount)} = \frac{\sum \text{Số dư thực tế (actual balance)} \times \text{Lãi suất KKH \% / năm (interest rate \% pa)}}{365}$$

2. Nghĩa vụ (*Obligations*)

- Đảm bảo có đủ tiền trong tài khoản để thực hiện các lệnh thanh toán đã lập. Chịu trách nhiệm về việc chi trả vượt quá số dư Có trên tài khoản trừ trường hợp đã có thỏa thuận thấu chi với OCB (*To ensure sufficient fund in the account to execute payment instruction. To be responsible for payment in exceed balance on the account unless there has overdraft agreement with OCB.*)
- Tự tổ chức hạch toán, theo dõi số dư trên tài khoản, đối chiếu với sổ phụ tài khoản do OCB gửi đến. (*To organize entries, follow up the balance, collate with account statement provided by OCB.*)
- Tự quản lý chữ ký, con dấu và chịu trách nhiệm trong trường hợp chữ ký hoặc con dấu bị lạm dụng (kể cả trường hợp: (i) sử dụng con dấu thật nhưng chữ ký giả mạo; (ii) chữ ký là thật nhưng con dấu bị giả mạo) dẫn đến việc tiền trong tài khoản của khách hàng bị tổn thất hoặc tài khoản của khách hàng bị lợi dụng cho các giao dịch không hợp pháp hoặc có phát sinh tranh chấp với bên thứ ba (*To manage signature, seal and to assume responsibilities thereof in case the signature and seal are abused (including: (i) real seal but forged signature, (ii) real signature but fake seal) that the money in the customer's account is lost or the customer's account is abused for illegal transactions or arising dispute with any third party.*)
- Quản lý các chứng từ có giá trị giao dịch tài khoản (séc, ủy nhiệm chi, giấy yêu cầu rút tiền,...). Chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại và/hoặc tranh chấp (nếu có) phát sinh trong trường hợp chứng từ có giá trị giao dịch tài khoản của khách hàng quản lý bị lợi dụng do lỗi của khách hàng bao gồm (*To manage documents valid for the account transaction (cheque, payment order, and request for money withdrawal...).* *To be responsible for any damage and/ or dispute (if any) arising when the documents valid for the transaction are abused due to the customer's errors including:*)
 - Khách hàng làm mất séc (*The cheques are lost*)
 - Khách hàng ký chứng từ trước khi điền đầy đủ các nội dung của chứng từ (*The customer signs on the documents before filling contents thereon*)
 - Các trường hợp khác (*Other circumstances*)
- Chịu trách nhiệm về nội dung thanh toán, chi trả số tiền trên các chỉ định thanh toán. (*To be responsible for payment contents on the payment instructions*)
- Tuân thủ các hướng dẫn của OCB về việc lập các lệnh thanh toán và sử dụng phương tiện thanh toán, thực hiện giao dịch thanh toán qua tài khoản; sử dụng, luân chuyển, lưu trữ chứng từ giao dịch; đảm bảo các biện pháp an toàn trong thanh toán do OCB quy định (*To comply with guidance of OCB regarding to payment instructions and methods, payment transactions via the account; use, rotation, storage of transaction documents; payment securities as regulated by OCB.*)
- Thông báo kịp thời với OCB khi phát hiện thấy sai sót, nhầm lẫn trên tài khoản của mình hoặc tài khoản của mình bị lợi dụng. Cung cấp thông tin chính xác khi yêu cầu sử dụng dịch vụ thanh toán hoặc trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán qua tài khoản. (*To keep informed to OCB when there has any mistake on the account or the account is abused. To provide accurate information when requesting payment services or when using payment services.*)
- Không được cho thuê, cho mượn tài khoản, hoặc sử dụng tài khoản của mình cho các giao dịch thanh toán đối với những khoản tiền đã có bằng chứng về nguồn gốc bất hợp pháp (*Not to lend the account, or use the account for payment of amounts of money which has illegal origin evidences.*)
- Tuân thủ đúng quy định của pháp luật và của OCB về việc mở và sử dụng tài khoản (*To comply with provisions of the law and OCB about account opening and using.*)

Điều 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA OCB (*RIGHTS AND OBLIGATIONS OF OCB*)

1. Quyền (*Rights*)

- Được chủ động trích Nợ tài khoản của khách hàng trong các trường hợp theo quy định của OCB (*To make debit from customer's account in cases as regulated by OCB.*)
- Có thẩm quyền từ chối thực hiện các lệnh thanh toán của khách hàng trong các trường hợp sau (*To reject the customer's payment instructions in following cases:*)
 - Khách hàng không thực hiện đầy đủ các yêu cầu về thủ tục thanh toán; lệnh thanh toán không hợp lệ, không khớp đúng với các yếu tố đã đăng ký hoặc không phù hợp với các thỏa thuận giữa OCB và/hoặc khách hàng, tài khoản của khách hàng bị phong tỏa (*The customer fails to fulfill requirements for payment procedures; payment instruction is invalid/ inappropriate with the registered information or agreements between OCB and the customer and/or the customer's account is blocked.*)
 - Khách hàng không có đủ số dư trên tài khoản đảm bảo cho việc thực hiện các lệnh thanh toán (*The available balance of the account is not sufficient to execute payment instructions.*)
 - Tài khoản của khách hàng đang có tranh chấp hoặc khách hàng có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc vi phạm các quy định, thỏa thuận với OCB (*The customer's account is being disputed or the customer has the signs of breaking the law or regulations/ agreements with OCB.*)
- Có quyền thực hiện thanh toán khi nhận được các chứng từ giao dịch hợp lệ với chữ ký và con dấu (nếu có) trên bề mặt chứng từ

mà theo nhận định của OCB là khớp đúng với mẫu chữ ký và mẫu dấu khách hàng đăng ký tại OCB (To have right to execute payment instruction with signature and seal (if any) on front, at OCB judgment, that are appropriate with specimen signature and seal registered at OCB).

- Có quyền tự động điều chỉnh giao dịch trên tài khoản của khách hàng nếu các khoản báo Nợ, báo Có vào tài khoản mà theo nhận định của OCB là hạch toán sai, hạch toán nhầm, hạch toán không đúng bản chất hoặc không phù hợp với nội dung sử dụng tài khoản theo quy định của pháp luật và của OCB (To have right to automatically adjust payment transaction in case those entries are wrong or mistaken or inappropriate, as OCB judgment, with nature and content of transaction with respect to applicable law or OCB's regulation or agreement).
- Có quyền không giải quyết việc dừng các lệnh thanh toán hợp lệ mà trước đó đã được OCB thực hiện theo yêu cầu của chủ tài khoản (To have right not to solve suspension of legal payment instruction that OCB received and executed).
- Có quyền không thực hiện các yêu cầu sử dụng dịch vụ thanh toán của khách hàng, giữ lại tang vật và thông báo ngay với cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý trong trường hợp phát hiện người sử dụng tài khoản vi phạm các quy định hiện hành hoặc thỏa thuận đã có với OCB, hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. (To have right not to execute customer's requirements for payment services, to keep exhibit and keep informed to competent authorities for reviewing and solution when the account holder breaches prevailing regulations or agreements with OCB, or has sign of breaching the law).
- Được phong tỏa, đóng, chuyển đổi hoặc tắt toán số dư tài khoản theo quy định của pháp luật và của OCB. (To block, close, transfer or settle the balance of the account in accordance with provisions of the law and OCB.)
- Được quy định các biện pháp đảm bảo an toàn trong thanh toán tùy theo yêu cầu và đặc thù hoạt động (To regulate safety transaction payment methods according to operation requirements and characteristics).
- Yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin có liên quan khi sử dụng dịch vụ thanh toán theo quy định (To request the customer to provide relevant information in using payment services upon regulations).
- Để đảm bảo tuân thủ phòng chống rửa tiền theo quy định của pháp luật, tránh rủi ro trong giao dịch, OCB có quyền đơn phương đóng tài khoản đối với khách hàng có rủi ro rửa tiền cao. (To ensure compliance with AML under provisions of the law, eliminate transaction risks, OCB has the right to unilaterally close the account of customer with high risk of money laundering).

2. Nghĩa vụ (Obligations)

- Hướng dẫn khách hàng thực hiện đúng các quy định về lập hồ sơ mở tài khoản, lập chứng từ giao dịch và các quy định có liên quan trong việc sử dụng tài khoản. Ngân hàng có trách nhiệm phát hiện và điều chỉnh kịp thời các tài khoản mở sai hoặc sử dụng chưa chính xác (To guide the customer to comply with provisions of account opening, transaction documentations and regulations relating to the account using. The Bank is responsible for detection and timely adjustment of the accounts with wrong opening or incorrect use.)
- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các lệnh thanh toán, các yêu cầu sử dụng tài khoản của khách hàng phù hợp với quy định hoặc thỏa thuận giữa OCB và khách hàng. Kiểm soát các lệnh thanh toán của khách hàng, đảm bảo lập đúng thủ tục quy định, hợp pháp, hợp lệ và khớp đúng với các yếu tố đã đăng ký; cung ứng đầy đủ, kịp thời các loại dịch vụ, phương tiện thanh toán cần thiết phục vụ nhu cầu giao dịch của khách hàng qua OCB. (To execute fully and timely payment instructions/ requirements of the customer in accordance with regulation and agreement. To control the customer's payment instructions that have been established in compliance with prescribed procedures to ensure the payment instruction is legal, valid and appropriate with registered information; to provide fully and timely payment services, necessary payment method for customer).
- Thực hiện hạch toán theo các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên cơ sở các chứng từ kế toán hợp pháp, hợp lệ nhận được. Điều chỉnh các khoản mục bị hạch toán sai, hạch toán không đúng bản chất hoặc không phù hợp với nội dung sử dụng của tài khoản theo quy định (To implement entries in accordance with procedures on basis of legal and accounting. To adjust accounting entries which are false, incorrect, inappropriate with nature or inconsistent with account using as prescribed).
- Gửi kịp thời, đầy đủ Giấy báo Nợ, Giấy báo Có, bản sao kê tài khoản, thông tin kịp thời về những giao dịch thanh toán và số dư tài khoản cho khách hàng theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Khách hàng và phù hợp với khả năng đáp ứng dịch vụ của OCB (To submit timely and adequately notices of debit/ credit transaction, account statements, timely inform about payment transactions and account balances to customer on a regular basis or upon request of the customer and in accordance with OCB's service provision capability)
- Bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản và giao dịch trên tài khoản của khách hàng theo quy định (To keep confidential of information regarding to the account and transaction upon laws and regulations.)
- Bảo quản, lưu trữ hồ sơ mở tài khoản và các chứng từ giao dịch qua tài khoản theo đúng cách thức và thời hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định (To maintain, store the account opening and transaction documents properly manners and duration as regulated by the State Bank of Vietnam).
- Niêm yết công khai các quy định về mở và sử dụng tài khoản (To publicly post regulations on account opening and using).
- Chịu trách nhiệm về những thiệt hại, vi phạm, lợi dụng trên tài khoản của khách hàng do lỗi của mình (To be responsible for any damage, breach, abuse on customer's account due to the Bank's fault).

Điều 6: QUY ĐỊNH VỀ PHÍ (ACCOUNT FEE PROVISION)

Các loại phí giao dịch tài khoản của khách hàng được OCB niêm yết công khai trên website www.ocb.com.vn và có thể thay đổi theo từng thời kỳ mà không cần báo trước (Account transaction fee tariff is posted on website www.ocb.com.vn and can be changed without notice).

Điều 7: NGHĨA VỤ TUÂN THỦ FATCA (OBLIGATIONS WITH RESPECT TO FATCA COMPLIANCE)

1. Các định nghĩa (Definition)

- FATCA: (Foreign Account Tax Compliance Act) là đạo luật tuân thủ thuế đối với chủ tài khoản nước ngoài được Chính phủ Hoa

Kỳ ban hành nhằm mục đích ngăn chặn tình trạng trốn thuế của các đối tượng nộp thuế tại Hoa Kỳ thông qua tài khoản tài chính mở tại các Tổ chức tài chính ở ngoài Hoa Kỳ. FATCA được thông qua năm 2010 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/07/2014. FATCA yêu cầu tất cả các Tổ chức tài chính ngoài Hoa Kỳ tuân thủ FATCA phải xác định và định kỳ báo cáo cho Cơ quan thuế vụ Hoa Kỳ (Internal Revenue Service - IRS) các thông tin liên quan về tài khoản của đối tượng Hoa Kỳ tại tổ chức mình. Tổ chức tài chính không tuân thủ FATCA và chủ tài khoản chống đối (chủ tài khoản từ chối cung cấp thông tin theo yêu cầu FATCA) sẽ bị khấu trừ 30% đối với các khoản thanh toán thuộc diện bị khấu trừ thuế có nguồn gốc Hoa Kỳ (FATCA is the Foreign Account Tax Compliance Act issued by the US Government with an aim to prevent tax evasion by US persons through financial accounts opened at foreign financial institutions (FFIs). FATCA was released in 2010 and became effective from 1 July 2014. FATCA requires all Participating FFIs (PFFIs) to identify and periodically report to the Internal Revenue Service (IRS) information about US account/account holders. Non-participating FFIs (NPFFIs) and account holders who refuse to provide information (recalcitrant account holders) will be subject to 30% withholding tax on US sourced with holdable payments).

- Thu nhập thụ động: bao gồm cổ tức (bao gồm cả cổ tức của công ty con), tiền lãi (bao gồm cả thu nhập tương tự tiền lãi chẳng hạn khoản thanh toán từ hợp đồng bảo hiểm niên kim hoặc hợp đồng bảo hiểm giá trị tiền mặt tích lũy), tiền thuê, tiền phí bản quyền, khoản thanh toán niên kim, lợi nhuận do chênh lệch từ việc mua bán tài sản phát sinh thu nhập thụ động, công cụ phái sinh, kinh doanh ngoại hối,...(Passive income includes: Dividends (including substitute dividend amounts), Interest (including income equivalent to interest such as amounts received under cash value insurance contracts or annuity contracts), rents, royalties, annuities, the excess of gains over losses from sale or exchange of property that gives rise to passive income, derivatives transactions, foreign currencies trading,...).
- Tổ chức hoặc công ty liên quan: Một tổ chức được xem là có liên quan đối với một tổ chức khác khi tổ chức này có quyền kiểm soát tổ chức kia, hoặc cả hai tổ chức cùng bị kiểm soát bởi tổ chức thứ ba. Cho mục đích định nghĩa này, có quyền kiểm soát tức là có quyền sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp trên 50% quyền biểu quyết hoặc giá trị vốn góp của một tổ chức. (An Entity is a Related Entity of another Entity if either Entity controls the other Entity, or the two Entities are under common control. For this purpose control includes direct or indirect ownership of more than 50 percent of the vote or value in an Entity).

2. Nghĩa vụ của OCB (Obligations of OCB)

- Thực hiện các nghĩa vụ thu thập và lưu trữ thông tin và chứng từ xác lập tư cách FATCA của chủ tài khoản và người thụ hưởng, báo cáo thông tin, khấu trừ thuế, xác nhận tuân thủ và các nghĩa vụ khác theo yêu cầu của Cam kết Tuân thủ FATCA và các yêu cầu liên quan của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Sở Thuế Vụ Hoa Kỳ (Perform due diligence procedures of identification and documentation of account holders and payees, reporting, withholding, verification and other compliance obligations in accordance with FFI Agreement and relevant requests from governmental competent authorities and IRS).
- Bảo mật các thông tin của khách hàng và chỉ sử dụng các thông tin theo đúng quy định FATCA hoặc các quy định pháp luật khác (Keep confidentiality of customers' information and only use for FATCA compliance or other regulatory purposes).
- OCB không chịu trách nhiệm cho bất kỳ khoản khấu trừ thuế trên các khoản thanh toán thuộc phạm vi khấu trừ tới khách hàng theo Luật thuế của Hoa Kỳ (OCB will not be liable for any tax withheld on any passthru payment to account holders in accordance with U.S. tax law).

3. Nghĩa vụ của chủ tài khoản (Obligations of account holder)

- Cung cấp đầy đủ thông tin và chứng từ theo quy định của FATCA, yêu cầu của IRS và quy định của OCB trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày mở tài khoản/ngày nhận được yêu cầu bổ sung thông tin của OCB theo thủ tục rà soát tài khoản hiện hữu, hoặc trước khi thực hiện chuyển khoản thanh toán chịu khấu trừ thuế cho khách hàng, tùy thời điểm nào đến trước; (Provide sufficient information and documentation in accordance with FATCA, requirements from IRS and policies and procedures of OCB by the earlier of 90 days from the date of opening account/receipt of requirement for information and documentation in accordance with remediation procedures, or prior to making a passthru payment with respect to the account).
- Trong vòng 30 ngày kể từ khi phát sinh bất kỳ sự kiện thay đổi tình trạng FATCA liên quan đến chủ tài khoản làm thông tin và chứng từ đã cung cấp không còn chính xác, chủ tài khoản phải thông báo cho OCB trong vòng 90 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện thay đổi đó, cung cấp cho OCB chứng từ mới thay thế. (Within 30 days from the date of a change in circumstances that make the provided information and documentation with respect to FATCA compliance becomes incorrect, the account holders shall notify to OCB within 90 days from arising of such changes, provide new sufficient documentations).
- Bằng cách xác nhận vào mẫu đơn này, chủ tài khoản đã đồng ý cung cấp đơn miễn trừ có hiệu lực cho phép OCB báo cáo thông tin và thực hiện nghĩa vụ khấu trừ thuế theo quy định FATCA; (By certifies in this account opening form, the account holders has agreed to provide a valid waiver (as required by OCB in accordance with FATCA) that grants the permission to OCB to fulfill reporting and withholding obligation in accordance with FATCA).
- Hoặc nếu không thể cung cấp một trong các chứng từ trên trong thời hạn quy định, khách hàng đồng ý cho OCB phân loại là chủ tài khoản chống đối, hoặc đóng, phong tỏa hoặc tắt toán tài khoản trong một thời hạn quy định. (Or failure to provide such valid documentations within a time limit, has to agree to be treated as recalcitrant account holder or closed, blocked or transferred such accounts by OCB within a time limit).

ĐIỀU 8. THỎA THUẬN KHÁC (OTHER AGREEMENT)

- Các nội dung khác liên quan tới mở và sử dụng tài khoản của khách hàng sẽ tham chiếu tới Quy định về mở và sử dụng tài khoản của OCB từng thời kỳ (Other terms and conditions should be referred to Regulation of account opening and using of OCB from time to time).
- Thỏa thuận này được lập thành hai (02) bản, song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý như nhau, OCB giữ một (01) bản, Khách hàng giữ một (01). Nội dung tiếng Anh của văn bản này được dịch theo nội dung tiếng Việt, trong trường hợp có sự khác biệt nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng. (The agreement is made into 02 (two) copies having same legal value of which each party keeps 01 (one). The English text of this document is translated from Vietnamese text. Any dispute arising out of or in connection with this document shall be referred to the Vietnamese text).
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày OCB ký xác nhận đồng ý mở tài khoản và chấm dứt theo một trong các trường hợp dưới

đây (*This agreement comes into effect since the date that OCB agrees to open the account and will be terminated in one of following cases*).

- Theo quy định pháp luật hiện hành hoặc yêu cầu/quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (*Due to the Vietnamese Law or requirement/decision of the State's agencies*).
- Tài khoản bị đóng theo thỏa thuận (*The account is closed due to this agreement.*)
- Các bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng hoặc theo quy định OCB trong từng thời kỳ (*Two parties agree to terminate the agreement or due to OCB's regulation from time to time.*)